

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/DS-PT  
Ngày: 26-02-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản và hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Tuấn

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Lưu Văn Uẩn

2. Bà Đinh Thị Ngọc Yến

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:***

Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 597/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 591/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:***

1.1. Bà Đào Thị L, sinh năm 1970.

1.2. Ông Phạm Thành T, sinh năm 1979.

Cùng nơi cư trú: Số 128, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

***2. Bị đơn:***

2.1. Bà Lê Thị Lý B, sinh năm 1980.

2.2. Ông Hà Thanh P, sinh năm 1979.

Cùng nơi cư trú: Số 142, ấp S, xã T, thị xã K, tỉnh Long An

***3. Người kháng cáo:*** Bị đơn là bà Lê Thị Lý B.

(Bà L, ông T, bà B có mặt;

Ông P vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Trong đơn khởi kiện ngày 24/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đào Thị L và ông Phạm Thành T trình bày:*

Theo đơn khởi kiện bà Đào Thị L và ông Phạm Thành T yêu cầu bà Lê Thị Lý B (tên thường gọi là P) và ông Hà Thanh P liên đới trả số tiền nợ hụi 300.000.000 đồng, trả số tiền nợ vay 400.000.000 đồng và tiền lãi vay theo mức lãi suất 10%/năm tính lãi từ 21/12/2019 đến nay.

Căn cứ khởi kiện:

Về số tiền nợ vay: Ngày 22/8/2019 vợ chồng ông bà có vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền 500.000.000 đồng sau đó cho bà B mượn lại 400.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi theo mức lãi xuất ngân hàng là 10%/năm, đến hạn trả lãi đợt 02 ngày 21/4/2020 (tức thời gian tính lãi từ 21/12/2019 đến 21/4/2020) và cho đến nay thì bà B không đưa tiền lãi cho vợ chồng bà để trả cho ngân hàng nên yêu cầu trả cả gốc và lãi.

Về tiền nợ hụi: Ông bà có tham gia nhiều dây hụi do bà Lê Thị Lý B (tên thường gọi là Lê Thị Lý P) làm chủ hụi, do bà B bị vỡ hụi giữa chừng nên không đóng tiếp. Đến ngày 05/7/2018 thì các bên chốt lại số tiền hụi mà bà B nợ là 300.000.000 đồng trong 10 dây hụi, các bên có làm giấy viết tay, thỏa thuận hạn trả là hè thu năm 2019 (tức 30/7/2019) nhưng đến nay bà B và ông P chưa thanh toán cho ông bà, cụ thể số tiền nợ hụi trong các dây hụi sau:

01. Hụi mở ngày 25/7/2012 gồm 19 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, ông bà tham gia 02 phần (tên trong dây hụi là L và S (S là tên con gái bà L, để tên S nhưng thực tế vợ chồng bà tham gia). Đã đóng được 12 kỳ, số tiền thực đóng là 40.960.000 đồng, số tiền hụi được hốt theo giá hụi chết là 120.000.000 đồng.

02. Hụi mở ngày 15/4/2012 gồm 21 người tham gia, 5.000.000 đồng/phần, ông bà tham gia 02 phần (tên trong dây hụi là L và S (tên con gái) Đã đóng được 13 kỳ, số tiền thực đóng là 49.400.000 đồng, số tiền hụi được hốt theo giá hụi chết là 130.000.000 đồng.

03. Hụi mở ngày 25/02/2015 gồm 15 người tham gia, 10.000.000đồng/phần, ông bà tham gia 01 phần. Đã đóng được 07 kỳ, số tiền thực đóng là 31.590.000 đồng, số tiền hụi được hốt 70.000.000 đồng;

04. Hụi mở ngày 30/02/2017 gồm 22 người tham gia, 10.000.000 đồng/phần, ông bà tham gia 02 phần. Đã đóng được 03 kỳ, số tiền thực đóng là 27.300.000 đồng, số tiền hụi chết được hốt 60.000.000 đồng;

05. Hụi mở ngày 30/02/2017 gồm 13 người tham gia, 5.000.000 đồng/phần, ông bà tham gia 01 phần, đã đóng được 03 kỳ, tiền hụi thực đóng là 6.900.000 đồng, số tiền hụi được hốt là 15.000.000 đồng;

06. Hụi mở ngày 03/3/2015 gồm 12 người tham gia, 5.000.000 đồng/phần,

ông bà tham gia 01 phần, đã đóng được 07 kỳ, số tiền thực đóng là 17.200.000 đồng, số tiền hui được hót là 35.000.000 đồng

07. Hui mở ngày 02/6/2017 gồm 18 người tham gia, 5.000.000 đồng/phần, ông bà tham gia 01 phần, đã đóng được 05 kỳ, tiền hui thực đóng là 12.560.000 đồng, số tiền hui được hót là 25.000.000 đồng

08. Hui mở ngày 10/12/2016 gồm 22 người tham gia, 5.000.000 đồng/phần, ông bà tham gia 02 phần, đã đóng được 07 kỳ, số tiền thực đóng là 35.140.000 đồng, số tiền hui được hót là 70.000.000 đồng

09. Hui mở ngày 08/01/2017 gồm 13 người tham gia, 5.000.000 đồng/phần, ông bà tham gia 01 phần, đã đóng được 6 kỳ, tiền thực đóng là 17.400.000 đồng, số tiền hui được hót là 30.000.000 đồng.

10. Hui mở ngày 07/11/2017 gồm 26 người tham gia, 5.000.000 đồng/phần, ông bà tham gia 01 phần, đã đóng được 04 kỳ, tiền hui thực đóng là 9.680.000 đồng, số tiền hui được hót là 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền hui thực đóng trong 10 dây hui trên là 247.040.000 đồng, số tiền hui chết được hót là 575.000.000 đồng nhưng vợ chồng bà và bà B thống nhất chốt lại số tiền hui là 300.000.000 đồng và có lập biên bản. Trong quá trình đóng hui thì bà L giao tiền cho bà B chỉ giữa 02 người và không lập thành văn bản giao nhận tiền. Vợ chồng ông bà xác định số tiền 300.000.000 đồng là tiền nợ trong 10 dây hui như đã trình bày ở trên. Đối với 06 dây hui khác mà bà B trình bày thì ông bà có tham gia nhưng không yêu cầu xem xét trong vụ án này. Vì phần hui sống trong 06 dây hui này thì đã thỏa thuận cản trừ tiền hui chết (mà bà L đã hót ở các dây hui khác) với bà B, không liên quan đến số nợ 300.000.000 đồng nêu trên.

Có một số phần hui đề tên S là tên con gái của bà L (tên giấy tờ là Huỳnh Thị L1), tuy nhiên các dây hui này con bà chỉ đứng tên giùm còn bà L và ông T là người trực tiếp tham gia.

*\*Bị đơn là bà Lê Thị Lý B trình bày:* Bà B và ông P là vợ chồng. Tên của bà B thường gọi là P.

Về số tiền nợ vay: Số tiền 400.000.000 đồng thì bà thống nhất có vay của vợ chồng ông T, bà L ngày 22/8/2019. Nay bà đồng ý trả số tiền 400.000.000 đồng và đồng ý trả theo lãi suất 0,83%/tháng như nguyên đơn yêu cầu tại phiên tòa từ ngày 22/4/2020 đến nay. Số tiền trên vay về để làm ăn nhưng bị thua lỗ.

Về số tiền nợ hui: Trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2018 bà có làm chủ hui và mở nhiều dây hui, bà L có tham gia. Tuy nhiên do bà bị vỡ hui nên các dây hui bị ngưng giữa chừng. Về số tiền nợ hui 300.000.000 đồng mà bà viết trong biên nhận với bà L là tiền hui sống bà L đóng trong 16 dây hui, cụ thể:

- Bà thống nhất bà L có tham gia 10 dây hui như nguyên đơn trình bày ở trên, tuy nhiên tại dây hui số thứ tự 4 mở ngày 30/02/2017 số tiền đóng là 27.000.000 đồng (chứ không phải 27.300.000 đồng); Dây hui tại số thứ tự 6 mở ngày 03/3/2017 thì bà L tham gia 02 phần, đã hót 01 phần chưa đóng đủ hui chết, còn 01 phần hui sống thì thống nhất đã đóng được 17.200.000 đồng (phần hui mà

bà L đã hốt thì bà không tranh chấp trong vụ án này, nếu có tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác); Dây hui tại vị trí số 10 mở ngày 07/11/2017 thì bà L mới đóng được 03 kỳ số tiền 6.790.000 đồng (không phải là 9.680.000 đồng như nguyên đơn trình bày).

Ngoài ra vợ chồng bà L có tham gia 06 dây hui do bà làm chủ hui, bà L đóng hui sống nhưng chưa lãnh hui, cụ thể:

- Dây hui mở ngày 20/6/2016, 20 phần, 2.000.000 đồng/phần, bà L tham gia 02 phần, đã lãnh hui 01 phần, còn 01 phần sống. Phần hui sống đóng được 13 kỳ thành tiền 14.740.000 đồng, chưa hốt hui;

- Dây hui mở ngày 22/10/2016, 31 người, 1.000.000 đồng/phần, bà L tham gia 01 phần đã đóng được 20 kỳ thành tiền 12.670.000 đồng chưa hốt hui;

- Dây hui mở ngày 12/3/2017, 29 người tham gia, 1.000.000 đồng/phần, bà L tham gia 01 phần, đã đóng được 16 kỳ thành tiền 10.870.000 đồng, chưa hốt hui;

- Dây hui mở ngày 20/4/2017, 03 tháng khui 01 lần, 29 người, bà L tham gia 01 phần, đã đóng được 05 kỳ thành tiền 14.600.000 đồng, chưa hốt hui;

- Dây hui mở ngày 15/6/2017, hui tháng, 33 người tham gia, L tham gia 01 phần đã đóng được 13 kỳ thành tiền 7.570.000 đồng;

- Dây hui mở ngày 20/7/2014, 03 tháng khui một lần, 22 người, L tham gia 02 phần, đã lãnh hui 01 phần, còn 01 phần sống đóng được 06 kỳ thành tiền là 14.653.000 đồng.

Số tiền thực đóng trong 16 dây hui trên là khoảng 310.000 đồng, tuy nhiên bà L có bớt cho bà chỉ tính 300.000.000 đồng. Bà xác định số nợ 300.000.000 đồng là trong 16 dây hui chứ không phải trong 10 dây hui như nguyên đơn trình bày. Nếu nguyên đơn chỉ yêu cầu trong 10 dây hui thì bà chỉ đồng ý trả lại số tiền thực đóng trong 10 dây nêu trên.

Trong một số dây hui có một số phần bà L tham gia để tên S là tên con gái của bà L, tuy nhiên bà L mới là người tham gia chứ S không tham gia nên bà không có ý kiến về vấn đề này. Mục đích bà mở các dây hui trên để nhận tiền hoa hồng chi tiêu trong gia đình.

Ngoài ra, bà L có lãnh hui ở các dây hui khác và chưa đóng đầy đủ cho bà, bà sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác, không tranh chấp trong vụ án này.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2020/DS-ST ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 274, 275, 288, 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ “Về họ, hui, biểu, phường” và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L và ông Phạm Thành T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội với bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P.

Buộc bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Đào Thị L và ông Phạm Thành T tổng số tiền 675.594.000 đồng.

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L và ông Phạm Thành T về tranh chấp hợp đồng góp hội với bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P đối với số tiền 55.060.000 đồng.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P phải chịu 31.023.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đào Thị L và ông Phạm Thành T phải chịu 2.753.000 đồng án phí, bà L và ông T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0009269 ngày 28/5/2020 và số 0009354 ngày 26/8/2020. Bà L và ông T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 13.547.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009269 ngày 28/5/2020 và được hoàn trả 350.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0009354 ngày 26/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 14/10/2020, bị đơn là bà Lê Thị Lý B kháng cáo không đồng ý một phần bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Bà B yêu cầu bà Đào Thị L và ông Phạm Thành T không trả số tiền lãi 30.654.000 đồng của số tiền nợ gốc đã vay là 400.000.000 đồng với lý do hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện nay gặp nhiều khó khăn.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Lý B thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Bà Lý B (Pha) chỉ kháng cáo phần tiền lãi của số tiền vay 400.000.000 đồng nên chỉ xem xét lại phần này của vụ án.

Vợ chồng bà Đào Thị L và ông Phạm Thành T yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P liên đới trả tiền nợ vay ngày 22/8/2019 là 400.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 22/4/2020 đến nay, bà Lý B cũng thừa nhận có vay tiền và đồng ý trả theo lãi suất mà ông T, bà L yêu cầu.

Ông T, bà L yêu cầu vợ chồng bà Lý B, ông P liên đới trả tiền vay 400.000.000đ và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Tuy nhiên, về thời gian tính lãi suất cần xác định lại nguyên đơn yêu cầu trả lãi từ ngày nào. Tại bản án sơ thẩm có nhận định “Xét thấy, tại phiên tòa ban đầu nguyên đơn trình bày yêu cầu tính lãi từ ngày 22/4/2020 đến nay được bị đơn bà B cũng đồng ý. Tuy nhiên sau đó nguyên đơn xác định lại theo đơn khởi kiện có yêu cầu tính lãi từ 21/12/2019 đến 21/4/2020 là 15.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi tiếp từ 22/4/2020 đến khi xét xử” trong khi Biên bản phiên tòa ngày 29/9/2020 không thể hiện việc thay đổi yêu cầu này. Tại Biên bản phiên tòa ngày 29/9/2020 (BL 121) bà L, ông T xác định yêu cầu bị đơn trả lãi tiền vay “Từ ngày 22/4/2019 đến nay theo lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng), trước đó bà L đã đóng lãi rồi nên không yêu cầu”.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn xác định: yêu cầu tính lãi từ 21/12/2019 đến 21/4/2020 là 15.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi tiếp từ 22/4/2020 đến khi xét xử (như đơn khởi kiện). Do đó không có cơ sở xác định lại ngày tính lãi toàn bộ bắt đầu từ ngày 22/4/2020. Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Lý B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Lý B thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:

Do ông Hà Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[3] Về việc bà Lê Thị Lý B kháng cáo yêu cầu bà Đào Thị L và ông Phạm Thành T không T số tiền lãi 30.654.000 đồng của số tiền nợ gốc đã vay là 400.000.000 đồng với lý do hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện nay gặp nhiều khó khăn:

Xét tại phiên tòa phúc thẩm, đối với số tiền nợ vay, bà B trình bày đồng ý trả cho bà L và ông T 400.000.000 đồng tiền nợ gốc đã vay. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện nay gặp nhiều khó khăn nên bà B yêu cầu bà L và ông T không T số tiền lãi 30.654.000 đồng nhưng phía bà L không đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B.

Các khoản khác của bản án dân sự sơ thẩm nói trên không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Từ nhận định ở đoạn [3], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Lý B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa cách tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Đào Thị L và ông Phạm Thành T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là:  $05\% \times 55.060.000 \text{ đồng} = 2.753.000 \text{ đồng}$ .

Bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L và ông Phạm Thành T được chấp nhận là:  $20.000.000 \text{ đồng} + 04\% \times (675.594.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) = 31.023.000 \text{ đồng}$ .

Bà Lê Thị Lý B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Lý B.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 471, 474, 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005, các Điều 463, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường và các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L và ông Phạm Thành T về việc yêu cầu bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P trả tiền nợ gốc đã vay, tiền lãi và tiền nợ.

Buộc bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Đào Thị L và ông Phạm Thành T tổng cộng 675.594.000 đồng (*Sáu trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng*) gồm: 400.000.000 đồng tiền nợ gốc đã vay, 30.654.000 đồng tiền lãi và 244.940.000 đồng tiền nợ hội.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L và ông Phạm Thành T về việc yêu cầu bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P có nghĩa vụ liên đới trả 55.060.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền nợ hội.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P phải liên đới nộp 31.023.000 đồng (*Ba mươi một triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.



Buộc bà Đào Thị L và ông Phạm Thành T phải liên đới nộp 2.753.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 16.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009269 ngày 28/5/2020 và 350.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009354 ngày 26/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường nên hoàn trả cho bà L và ông T 13.897.000 đồng (*Mười ba triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm còn thừa.

#### 4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Lê Thị Lý B phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009449 ngày 20/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường nên không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Tuấn**

